

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **223/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 07/6/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Vui**.

3. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **La Tương Lai**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **07 tháng 6 năm 2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Vũ B**, sinh năm 1979.(có mặt)
Địa chỉ: ấp GM, xã BA, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Chị **Thái Thị Thu N**, sinh năm 1986.(vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TL, xã PH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 15/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Vũ B trình bày:

Anh và chị N kết hôn và sống chung từ năm 2006, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện Gò Công Đông. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm không còn, gia đình bên vợ nói xấu sau lưng, cuộc sống luôn chịu áp lực, ức chế, mệt mỏi, sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay không còn tình cảm với chị N nên anh yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái Tiến P, sinh ngày 14/3/2007. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Thái Thị Thu N trình bày:

Thống nhất lời trình bày của anh B về quá trình hôn nhân. Còn về mâu thuẫn là do

anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, tôi bỏ qua nhiều lần nhưng đến năm 2020 anh B có người phụ nữ khác nữa nên mới có xảy ra mâu thuẫn do ghen tuông.

- Về quan hệ hôn nhân: Do còn thương chồng con nên chị không đồng ý ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái Tiến P, sinh ngày 14/3/2007. Nếu Tòa án cho ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ B, cho anh Nguyễn Vũ B được ly hôn với chị Thái Thị Thu N, giao con chung tên Nguyễn Thái Tiến P cho chị N nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng do chị N không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; anh B phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Thái Thị Thu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ B và chị Thái Thị Thu N kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã BA theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 14/9/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Vũ B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và anh cho rằng trong quá trình chung sống, anh chị P sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm không còn, gia đình bên vợ nói xấu sau lưng, cuộc sống luôn chịu áp lực, ức chế, mệt mỏi, sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

[4] Chị Thái Thị Thu N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, chị N bỏ qua nhiều lần nhưng đến năm 2020 anh B có người phụ nữ khác nữa nên mới có xảy ra mâu thuẫn do ghen tuông. Anh B đi học xa nhà nhưng ít khi về thăm nhà và có hứa khi học xong sẽ về gần nhà làm nhưng không thực hiện nên mới xảy ra cự cãi. Nay chị N còn thương chồng và con, cha mẹ già nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh của Tòa án

nhân dân huyện Gò Công Đông đối với ông Bùi Văn Sơn - Trưởng ấp GM, xã BA, ông cho biết do anh B đi bộ đội không ở nhà thường xuyên nên ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn cũng như điều kiện nuôi con của anh B và chị N.

[5] Xét, anh Nguyễn Vũ B kiên quyết ly hôn, không muốn sống chung với chị N; mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị N trầm trọng, không thể hàn gắn; vợ chồng không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên anh Nguyễn Vũ B yêu cầu được ly hôn với chị Thái Thị Thu N là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Anh Nguyễn Vũ B và chị Thái Thị Thu N thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thái Tiến P, sinh ngày 14/3/2007, hiện đang sống chung với cha mẹ anh B. Chị Thái Thị Thu N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Vũ B cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Vũ B không đồng ý giao con chung cho chị Thái Thị Thu N nuôi dưỡng, anh B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; anh B cho rằng chị N không còn nuôi dưỡng cháu Tiến P từ năm 2021 và đang sống với ông bà nội, ông bà nội có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tiến P và anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Nguyễn Thái Tiến P đã 15 tuổi và có bản tự khai muốn sống chung với chị Thái Thị Thu N. Ngoài ra chị N cho rằng từ khi anh B đi học xa, anh không có về chăm sóc cho con, lâu lâu về nhà không được một ngày, gia đình anh B do một tay chị N chăm sóc có xác nhận của cha mẹ anh B và em gái anh B. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị Thái Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh Nguyễn Vũ B.

[8] Về cấp dưỡng: Chị Thái Thị Thu N không yêu cầu anh Nguyễn Vũ B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Vũ B và Thái Thị Thu N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Vũ B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Vũ B được ly hôn với chị Thái Thị Thu N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thái Tiến P, sinh ngày 14/3//2007 cho chị Thái Thị Thu N nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Vũ B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có;

- Về án phí: Anh Nguyễn Vũ B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018431 ngày 15/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã BA, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An